TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PĂH, TỈNH GIA LAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2017/DS-ST
Ngày: 18-10- 2017
V/v tranh chấp dân sự đòi lại tiền.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PĂH-TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bảo
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Võ Nguyên Giác;
2. Ông Trịnh Văn Nguyên .

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Văn Sáng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân *huyện Chư Păh tham gia phiên toà:* Bà Tô Hải Yến - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.

Trong ngày 18 tháng 10 năm 2017, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2017/TLST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp dân sự đòi lại tiền theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2017/QĐXX-DS ngày 26 tháng 7 năm 2017 và các Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2017/QĐST-DS ngày 24/8/2017 và số 10/2017/QĐST-DS ngày 22/9/2017, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ông Phùng Văn A – sinh năm 1985

Địa chỉ cư trú: Thôn 3, xã I N, huyện C P, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Ngô Đức N – sinh năm 1961 (có mặt).

Địa chỉ: 203 Phan Đình Phùng, phường T S, thành phố P K, tỉnh Gia Lai.
Là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 15/3/2017)

2.Bị đơn: Ông Nguyễn Q, sinh năm 1963

Địa chỉ cư trú: Thôn 2, xã I N, huyện C P, tỉnh Gia Lai. (có mặt)

3.*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan***:**
-Ông Tạ Văn C – sinh 1962 (vắng mặt)
-Bà Hồ Thị S – sinh năm 1977 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: thôn 7, xã I N, huyện C P, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06/3/2017, cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, Ông Ngô Đức N- ***đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn*** trình bày **:**

Trước đây ông Phùng Văn A là công chức phụ trách công tác phát chế độ cho các đối tượng chính sách tại Ủy ban nhân dân xã IN, huyện CP. Ông Nguyễn Q có đến UBND xã nói với ông A là ông được ông Tạ Văn C ủy quyền đi nhận chế độ thay cho ông Tạ Văn C. Vì chỗ quen biết và gần nhà nên ông A tin tưởng không yêu cầu ông Q xuất trình giấy tờ ủy quyền để nhận thay chế độ cho ông C mà vẫn giao tiền chế độ của ông Tạ Văn C cho ông Q nhận. Ông Q đã ký nhận chế độ thay cho ông C tổng cộng là 12 tháng, kể từ tháng 4/2014 đến tháng 3/2015. Mỗi tháng ông Q ký nhận vào bảng lương với số tiền 5.520.000đ. Tổng cộng số tiền ông Q đã nhận là 66.240.000đồng.

Ngày 21/8/2015, ông C làm đơn khiếu nại ra UBND xã IN việc ông A chi sai đối tượng. UBND xã IN đã kiểm tra và kết luận ông A chi sai đối tượng, nên buộc ông A phải thu hồi số tiền đã chi trả sai để trả lại cho ông C với số tiền là 66.240.000đ. Ông A phải dùng tiền riêng của cá nhân để nộp cho UBND xã I N và nhờ UBND xã I N trả lại cho ông C. Sau đó nhiều lần ông A yêu cầu ông Q trả lại số tiền đã nhận thay của ông C cho ông A nhưng ông Q không trả. Nên ông A khởi kiện yêu cầu ông Q phải trả lại cho ông A số tiền mà ông Q đã nhận thay của ông C là 66.240.000 đồng. Ông A không yêu cầu tính lãi số tiền trên.

Ông Ngô Đức N, đại diện của nguyên đơn không đồng ý về ý kiến của ông Nguyễn Q cho rằng do bà Hồ Thị S nhờ ông Q nhận thay và trách nhiệm của ông A phải kiểm tra tính hợp pháp của việc nhận thay, do ông A đã để cho ông Q nhận đến 12 tháng tiền lương và ông Q đã đưa hết số tiền đã nhận của ông C cho bà S rồi, nay buộc ông Q phải trả, ông Q không đồng ý mà yêu cầu ông A phải đòi bà S. Ông N yêu cầu ông Q phải có trách nhiệm trả cho ông A vì ông Q là người trực tiếp ký nhận tiền thay cho ông C, còn việc ông Q đưa cho bà S thì ông Q có trách nhiệm đòi lại bà S, giữa ông A với bà S không có quan hệ gì, ông A không biết, không liên quan việc ông Q đưa lại tiền cho bà S, đồng thời ông N không đồng ý đưa bà Hồ Thị S vào tham gia vụ án.

Trong các tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Q trình bày :

Ông Nguyễn Q thừa nhận có nhận chế độ thay cho ông C tổng cộng là 12 tháng, kể từ tháng 4/2014 đến tháng 3/2015. Mỗi tháng ông Q nhận tiền có ký nhận vào sổ cấp phát của ông A với số tiền 5.520.000đ. Tổng cộng số tiền ông Q đã nhận là 66.240.000đồng. Việc nhận tiền này là do cô Hồ Thị S ở thôn 7, xã IN nhờ ông Q nhận dùm. Cô S có giao cho ông Q 01 cuốn sổ nhận lương thương binh của ông Tạ Văn C và 01 giấy ủy quyền của ông Tạ Văn C cho cô S với nội dung nhận thay tiền lương cho ông C hàng tháng. Ông Q đã nhận hết 12 tháng tiền lương bằng sổ của ông C do anh Phùng Văn A chi trả (từ tháng 04/2014 đến tháng 03/2015), số tiền đó ông Q đã đưa lại hết cho cô S, cô S cũng thừa nhận chuyện này. Nay anh Phùng Văn A khởi kiện yêu cầu ông Q phải trả lại 12 tháng tiền lương nhận thay cho ông C với tổng số tiền là 66.240.000đ, ông Q không đồng ý, vì ông Q nhận tiền dùm cho cô S, cô S là người đã được ông C ủy quyền đi nhận thay tiền lương. Khi đến UBND xã IN, ông Q cũng đã trình bày đồng thời trình đủ các giấy tờ trên nên anh A mới cho nhận tiền. Vậy, ông Q yêu cầu anh A khởi kiện cô Hồ Thị S vì ông Q nhận dùm cho cô S và đã đưa lại hết tiền cho cô S rồi. Việc cô S nhờ ông Q nhận tiền thay của ông C thì ông C không biết, đến tháng 4/2015 ông C mới đến nhà hỏi ông Q.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Tạ Văn C và bà Hồ Thị S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia hòa giải và xét xử nhưng đều vắng mặt, không có lời khai. Hôm nay vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ý kiến, quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh về quá trình giải quyết vụ án:

I. VIỆC TUÂN THEO PHÁP LUẬT TỐ TỤNG

1. Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

** Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:*

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, cụ thể như sau:

- Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Trong vụ án này, bị đơn có nơi cư trú tại thôn 2, IN, Chư Păh, tỉnh Gia Lai nên Tòa án nhân dân huyện Chư Păh thụ lý

giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

- Về quan hệ pháp luật: Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là *"Tranh chấp dân sự đòi lại tiền"* là đúng quy định tại khoản 1 Điều 26 BLTTDS năm 2015.

- Xác định tư cách pháp lý người tham gia tố tụng trong vụ án: Tòa án nhân dân huyện Chư Păh xác định tư cách pháp lý của nguyên đơn - anh Phùng Văn A; Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Ngô Đức N; bị đơn - ông Nguyễn Q, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - ông Tạ Văn C và bà Hồ Thị S trong vụ án là đúng quy định tại Điều 68 BLTTDS.

- Toà án ban hành Thông báo thụ lý vụ án, gửi thông báo thụ lý vụ án cho Viện kiểm sát và cho người tham gia tố tụng trong vụ án đúng quy định tại Điều 196 BLTTDS năm 2015.

+ Tòa án hướng dẫn nguyên đơn (anh A), bị đơn (anh Q) làm bản tự khai đúng quy định của pháp luật.

+ Tòa án tiến hành các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng theo quy định của BLTTDS.

+ Về việc thu thập chứng cứ của Toà án: Để có cơ sở giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh nội dung vụ việc tại UBND xã IN, huyện Chư Păh và thu thập một số tài liệu, chứng cứ là đúng theo quy định.

+ Về thời hạn xét xử: Tòa án đưa vụ án ra xét xử đúng thời hạn luật định.

+ Trong vụ án này, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ (xác minh) nên thuộc trường hợp Viện Kiểm sát phải tham gia phiên tòa quy định tại khoản 2, Điều 21 BLTTDS năm 2015. Tòa án đã gửi hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát đúng theo khoản 2 Điều 220 BLTTDS năm 2015.

+ Về việc tống đạt văn bản tố tụng của Tòa án đúng theo quy định pháp luật

**** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:***

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên việc Bị đơn cung cấp các tài liệu để phản đối yêu cầu của nguyên đơn không được xem là chứng cứ vì các tài liệu này chỉ là bản phô tô không được công chứng, chứng thực.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại Điều 70 BLTTDS năm 2015

II. Ý KIẾN VỀ VIỆC GIẢI QUYẾT VỤ ÁN

Căn cứ theo quy định tại Điều 105, Điều 149, Điều 166 BLDS năm 2015; khoản 1 Điều 147 BLTTDS năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 nhận thấy:

Số tiền 66.240.000 đồng là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông Phùng Văn A. Việc ông Phùng Văn A giao tiền lương hưu của ông Tạ Văn C cho ông Nguyễn Q xuất phát từ cơ sở những giấy tờ mà ông Q đã cung cấp (sổ lương hưu của ông Tạ Văn C, giấy ủy quyền giữa ông Tạ Văn C và bà Hồ Thị S, giấy vay tiền giữa Hồ Thị S – Nguyễn Q ngày 11/4/2017) chứ ông Q không phải là người hợp pháp được hưởng chính đáng số tiền trên, sau đó ông C làm đơn tố cáo ông A chi trả tiền không đúng ủy quyền vì vậy ông A phải lấy tiền cá nhân để trả lại cho ông C nên ông A yêu cầu ông Q trả lại tiền cho ông A là có cơ sở. Việc ông Q yêu cầu ông A đòi lại tiền bà S là không có cơ sở vì trên thực tế, ông Q là người trực tiếp ký nhận lương hưu của ông Tạ Văn C từ tháng 4/2014 – tháng 3/2015 tại UBND xã I N, huyện Chư Păh, còn bà S không có liên quan gì với ông A.

Vì vậy, đề nghị TAND huyện Chư Păh chấp nhận đơn khởi kiện của ông Phùng Văn A buộc ông Nguyễn Q phải trả lại số tiền 66.240.000 đồng. Về việc vay tiền giữa ông Nguyễn Q và bà Hồ Thị S nếu có tranh chấp thì ông Nguyễn Q khởi kiện ra Tòa án bằng một vụ án khác, không xem xét trong vụ án này.

- Về án phí: Buộc ông Nguyễn Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Ông Tạ Văn C là người được hưởng chế độ chính sách thương binh mỗi tháng 5.520.000 đồng. Ông Phùng Văn A là cán bộ

phụ trách việc chi trả tiền chế độ chính sách của xã I N, trong đó có trách nhiệm chi trả tiền chế độ thương binh cho ông C. Từ tháng 4/2014 đến tháng 3/2015, ông Phùng Văn A đã chi trả 12 tháng tiền chế độ thương binh của ông Tạ Văn C nhưng cho ông Nguyễn Q nhận thay. Tổng cộng số tiền ông Q đã nhận là 66.240.000 đồng. Sau đó ông C khiếu nại việc ông A cho ông Q nhận thay tiền chế độ của ông C là không đúng sự ủy quyền của ông C. Ngày 03/12/2015, UBND xã I N kết luận ông Phùng Văn A chi trả không đúng quy định về ủy quyền nên buộc ông A phải thu hồi trả lại cho ông Tạ Văn C số tiền 66.240.000 đồng, thời hạn đến ngày 30/11/2015. Sau nhiều lần yêu cầu ông Nguyễn Q trả lại số tiền đã nhận thay của ông C không được, ông A phải lấy tiền riêng của mình giao cho UBND xã I N để trả lại cho ông C. Ngày 18/01/2016, ông Tạ Văn C đã nhận lại số tiền 66.240.000 đồng. Ngày 06/3/2017 ông Phùng Văn A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Q phải trả lại cho ông A số tiền 66.240.000 mà ông Q đã nhận thay của ông C.

Căn cứ quy định tại **Điều 166** của Bộ luật dân sự năm 2015 về quyền đòi lại tài sản. Bị đơn cư trú, sinh sống tại huyện Chư Păh. Theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 và Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Chư Păh. Hình thức, nội dung khởi kiện phù hợp theo quy định nên ông Phùng Văn A khởi kiện là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Về pháp luật nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn

Về số tiền: Nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Q phải trả lại số tiền 66.240.000đ (*sáu mươi sáu triệu hai trăm bốn mươi ngàn đồng*) do ông Q nhận thay tiền chế độ chính sách thương binh của ông Tạ Văn C. Tình tiết này ông Q cũng đã thừa nhận. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, tình tiết này được chấp nhận không phải chứng minh.

Về việc ủy quyền: Việc ủy quyền nhận tiền chế độ thay giữa ông Tạ Văn C với bà Hồ Thị S bằng văn bản có chứng thực, ông C không có khiếu nại gì với bà S nên Tòa án không xét việc ủy quyền này.

Ý kiến của ông Nguyễn Q cho rằng bà S ủy quyền lại cho ông Q để nhận thay tiền chế độ thương binh của ông C là đúng quy định về ủy quyền, thấy rằng: Việc bà Hồ Thị S ủy quyền lại cho ông Nguyễn Q nhận tiền chế độ thương binh của ông C theo "Giấy vay tiền" ngày 11/4/2014 của bà Hồ Thị S vay tiền của ông Q *(bản pho to do ông Q cung cấp)* có ghi: " *Tôi có thế chấp cho chú Q 1 cuốn sổ thương binh và giấy vay tiền + 1 giấy ủy quyền mang tên Tạ Văn C ủy quyền cho Hồ Thị S. Nay vì tôi đau bệnh nên phải đi Sài Gòn chữa bệnh, nên không có tiền. Tôi lại thế chấp cho chú Q; hàng tháng chú Q có quyền nhận lương, chú Q trừ tiền lời thỏa thuận còn số dư chú Q đưa tôi, tôi trả lại anh C*". Thì qua hòa giải cũng như tại phiên tòa ông Q thừa nhận ông C không biết việc bà Hồ Thị S ủy quyền lại cho ông Q, đến tháng 4/2015 ông C mới đến nhà hỏi ông Q. Sau khi biết ông Q đã nhận tiền chế độ của mình, ông C đã khiếu nại đến UBND xã IN, theo kết luận của UBND xã I N về việc ông A cho ông Q nhận thay tiền chế độ chính sách của ông

C từ tháng 4/2014 đến tháng 3/2015 là sai quy định về ủy quyền. Từ đó thể hiện việc bà Hồ Thị S ủy quyền lại cho ông Nguyễn Q không được ông C đồng ý. Theo Điều 583 Bộ luật dân sự 2005 quy định: "*Bên được ủy quyền chỉ được ủy quyền lại cho người thứ ba, nếu được bên ủy quyền đồng ý hoặc pháp luật có quy định*". Trong trường hợp này pháp luật không có quy định bà S được ủy quyền lại cho ông Q. Cho nên việc bà S ủy quyền lại cho ông Q không có sự đồng ý của ông C là không đúng pháp luật. Vì vậy, ý kiến của ông Q cho rằng việc ông nhận tiền thay cho ông C đúng quy định về ủy quyền là không được chấp nhận.

[3] Xét ý kiến của bị đơn ông Nguyễn Q cho rằng ông đã giao hết số tiền nhận thay của ông C cho bà S và bà S cũng đã thừa nhận nên ông Q không đồng ý trả lại tiền cho ông A mà yêu cầu ông A phải kiện đòi bà Hồ Thị S. Theo quy định tại Điều 370 Bộ luật dân sự năm 2015 về chuyển giao nghĩa vụ: " *Bên có nghĩa vụ có thể chuyển giao nghĩa vụ cho người thế nghĩa vụ nếu được bên có quyền đồng ý*". Trong các bản lời khai, qua quá trình hòa giải và tại phiên tòa ông Ngô Đức N đại diện theo ủy quyền của ông Phùng Văn A không đồng ý việc chuyển giao nghĩa vụ này cho bà Hồ Thị S mà yêu cầu ông Q phải trả lại số tiền 66.240.000 đồng cho ông A. Cho nên ý kiến này của ông Nguyễn Q không được chấp nhận. Còn việc ông Nguyễn Q đã đưa tiền cho bà Hồ Thị S thì ông Q có quyền khởi kiện yêu cầu bà S trả lại trong vụ kiện khác.

[4] Ý kiến của ông Q khi nhận tiền ông Phùng Văn A đã kiểm tra giấy tờ hợp pháp rồi mới cho ông Q nhận tiền, nếu không đúng thì ông A phải báo cho ông Q liền, đằng này để cho ông Q nhận đến 12 tháng, nên đề nghị xem xét trách nhiệm cán bộ công chức của ông Phùng Văn A.

Về trách nhiệm của ông Phùng Văn A là công chức Văn hóa – xã hội, đảm nhiệm việc chi trả chế độ chính sách tại xã I N, do hiểu biết pháp luật quy định về ủy quyền chưa cụ thể, chính xác, một phần nể tình, tin tưởng và tạo điều kiện thuận lợi, nhanh chóng trong việc cấp phát tiền chế độ chính sách cho người dân nên ông A đã cho nhận tiền chế độ thay không đúng quy định của pháp luật đến 12 tháng dẫn đến khiếu nại của ông Tạ Văn C, đây là vi phạm về chức trách, nhiệm vụ của ông A phải bị xử lý kỷ luật theo quy định. Tuy nhiên, lãnh đạo của UBND xã I N chưa có hình thức xử lý kỷ luật thì ông A đã tự nguyện làm đơn xin thôi việc và UBND huyện Chư Păh đã ra Quyết định số 194/QĐ-UBND ngày 18/3/2016 cho ông A nghỉ việc theo vọng. Nên không đề cập về xem xét xử lý trách nhiệm cán bộ công chức đối với ông Phùng Văn A.

Từ những cơ sở nêu trên kết luận ông Nguyễn Q nhận thay tiền chế độ chính sách của ông Tạ Văn C là không đúng quy định về ủy quyền nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Nguyễn Q phải trả lại số tiền 66.240.000đ (*sáu mươi sáu triệu hai trăm bốn mươi ngàn đồng*) cho ông Phùng Văn A. Không chấp nhận ý kiến của bị đơn nêu ra.

Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Phùng Văn A không phải chịu án phí, bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 166, Điều 357 Bộ Luật dân sự năm 2015;

Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Phùng Văn A;

Xử: Buộc ông Nguyễn Q phải trả cho ông Phùng Văn A số tiền 66.240.000đ (*sáu mươi sáu triệu hai trăm bốn mươi ngàn đồng*)

Kể từ ngày ông Phùng Văn A có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành.

Căn cứ các Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Ông Nguyễn Q phải chịu 3.312.000 đ (*ba triệu ba trăm mười hai ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại ông Phùng Văn A 1.656.000 đ (*một triệu sáu trăm năm mươi sáu ngàn đồng*) tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án theo biên lai số 2418 ngày 07/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Păh.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay (18/10/2017), nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo lên tòa án tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TỌA

Nơi nhận:
-Tòa án tỉnh Gia Lai;
-VKSND huyện ChưPăh;
-Thi hành án DS Chư Păh;
-Các đương sự;
-Lưu HSVA.

Nguyễn Văn Bảo